

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 250

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Liên Hải

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 23.01.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện_Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 304, bắt đầu xem kinh văn, hàng thứ năm từ dưới đếm lên.

“Ngã tác Phật thời, tha phương thế giới, chư Bồ Tát chúng, văn ngã danh giả, chứng ly sanh pháp, hoạch đà la ni.” Đây là nguyện thứ 46 nguyện- Hoạch đà la ni. “Thanh tịnh hoan hỷ, đắc bình đẳng trú, tu Bồ Tát hạnh, cụ túc đức bản, ứng thời bất hoạch, nhất nhĩ tam nhãn.” Tiểu tiết này là nguyện thứ 47- Văn danh đắc nhãn. “Ư chư Phật Pháp, bất năng hiện chứng, bất thoái chuyên giả, bất thủ chánh giác”. Câu cuối cùng là hiện chứng bất thoái. Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm lão, đây là nguyện cuối cùng, chương thứ 24.

Chương bên phải có ba nguyện, ba nguyện trong chương này, từ hộ đà la ni trở lên là nguyện Hoạch đà la ni thứ 46. Từ nhất nhĩ tam nhãn trở lên là nguyện Văn danh đắc nhãn thứ 47. Từ đây trở xuống là nguyện hiện chứng bất thoái thứ 48.

Nguyện thứ 46, “ly sanh giả, ly sanh tử dã. Tam thừa hành nhân, nhập ư kiến đạo, nhân kiến đế lý, đoạn kiến tư hoặc, vĩnh ly tam giới chi sanh, thị vân chánh tánh ly sanh.” Ly sanh này, trong chú giải nói rất rõ ràng, là lìa sanh tử vậy. Sanh tử đây là lục đạo luân hồi. Tam thừa hành nhân, Tiểu thừa là A la hán, Thanh văn, trung thừa là Bích Chi Phật, Đại thừa là quyền giáo Bồ Tát. Họ nhập vào kiến đạo. Đạo chính là chân tướng sự thật, không phải là hoàn toàn kiến đạo, nghĩa là đã hiểu được sơ bộ rồi. Vì sao vậy? Họ có thể đoạn được kiến tư phiền não, trong Đại thừa thường nói tam giới 88 phẩm kiến hoặc, kiến là kiến giải, hoặc là mê hoặc. Vì kiến giải quý vị có mê hoặc, cho nên quý vị đối với những thứ đã thấy được, hoàn toàn là ngộ nhận, chưa nhìn thấy chân tướng sự thật. Đây là điều nghiêm trọng nhất trong phiền não.

Học Phật thì phải bắt đầu đoạn từ nơi này, đoạn phiền não thì phải bắt đầu đoạn từ đây. Ngoài kiến hoặc ra còn có tư hoặc. Tư là quý vị nghĩ sai, là bệnh chung của chúng sanh trong lục đạo. Quý vị nghĩ sai, quý vị nhìn sai, tư hoặc có 81 phẩm, ba cõi 81 phẩm. Kiến hoặc tuy rất mạnh mẽ, nhưng vẫn dễ đoạn, tư hoặc không dễ đoạn. Cổ nhân có một ví dụ, đoạn tư hoặc giống như ngó đứt tơ còn vương, ngó sen cắt đứt rồi, sợi tơ nó vẫn còn vương. Cho nên tư hoặc khó đoạn hơn kiến hoặc.

Đức Phật vì thuận lợi cho việc dạy học, đem nó quy nạp thành năm loại lớn, kiến hoặc năm loại, tư hoặc cũng có năm loại. Kiến hoặc, chúng ta thường nhắc đến, thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến. Năm loại lớn này. Tư hoặc là tham, sân, si, mạn, nghi. Nghi này là hoài nghi đối với thánh giáo, hoài nghi đối với thánh nhân, hoài nghi đối với giáo huấn của thánh nhân. Hoài nghi như vậy thì quý vị không học được gì. Giáo huấn của Thánh Hiền phải dùng tâm thái như thế nào quý vị mới có thể học được? Nhất định phải có tâm cung kính. Không có tâm cung kính thì học không được gì. Như vậy xem ra chúng ta mới thực sự thể hội được, việc liễu sanh tử, xuất tam giới, thoát ly lục đạo luân hồi, thực sự không dễ dàng gì! Vì sao đức Phật nói như vậy? Vì lục đạo luân hồi là kiến tư phiền não tạo thành, có kiến tư phiền não liền có lục đạo luân hồi, có nhân thì có quả. Nếu như đoạn được kiến tư phiền não, lục đạo luân hồi sẽ không còn nữa. Lục đạo luân hồi đích thực không phải là thật, giống như nằm mơ vậy. Quý vị ở trong mộng có cảnh giới này, tỉnh lại rồi, cảnh giới này sẽ không còn nữa. Nếu như kiến tư phiền não đoạn rồi, quý vị sẽ tỉnh trở lại, quý vị mới biết lục đạo căn bản không tồn tại, hoàn toàn là giả. Cảnh giới sau khi tỉnh trở lại chính là pháp giới tứ thánh. Chúng ta dùng lời của thế giới Cực Lạc để nói lục đạo luân hồi là cõi Phàm thánh đồng cư. Tứ thánh pháp giới là cõi Phương tiện hữu dư, vậy thì mọi người dễ hiểu rồi. Cho nên cõi Phàm thánh đồng cư không thấy nữa, tỉnh lại rồi, cõi Phương tiện hữu dư xuất hiện, quý vị hoàn toàn tiến vào các tầng không gian khác. Nhưng điều này vẫn không phải là thật. Nó tạo thành như thế nào? Phật nói với chúng ta, trần sa phiền não và vô minh phiền não tạo thành. Trần sa phiền não, trần sa là ví dụ cho phiền não nhiều quá nhiều quá. Nó đến như thế nào? Từ phân biệt mà có, tâm phân biệt của chúng ta, dùng tâm này đối với vũ trụ vạn vật, lúc khởi tác dụng liền phân biệt rồi. Phân biệt vô lượng vô biên, ví dụ nó với trần sa, phiền não này tuy nhẹ hơn kiến tư phiền não, nhưng vẫn chướng đạo, chướng ngại quý vị minh tâm kiến tánh, cho nên phải đoạn, sau khi đoạn rồi, trong tứ thánh pháp giới quý vị liền chứng được Bồ Tát. Bồ Tát tuy trần sa phiền não đã đoạn được rồi, họ vẫn còn có vô minh phiền não, vô thi vô minh. Vô thi vô minh nếu như đoạn được rồi, tứ thánh pháp giới không thấy nữa, cho nên là giả, không phải thật. Tứ thánh pháp giới không thấy nữa, xuất hiện cảnh giới gì? Cõi thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai. Chúng ta nói Chư Phật Như Lai, nếu như nói cõi thật báo trang nghiêm của bản thân chúng ta, thì cũng nói thông được, đích thực là như vậy. Cho nên nói “phàm có hình tướng đều là hư vọng”, đều không phải là thật. Cõi thật báo hiện tại chúng ta cũng rõ rồi, cũng thấu đáo rồi. 41 vị pháp thân đại sĩ, nơi họ cư trú, 41 cấp bậc này Thiên Thai đại sư đều xưng là Phật, họ là chân Phật, không phải là giả Phật. Cũng tức là nói người của 41 cấp bậc này, họ dùng là chân tâm, không phải là vọng tâm. Thập pháp giới trở xuống lục đạo toàn là dùng vọng tâm, họ không phải dùng chân tâm, dùng A lại da. Tứ thánh pháp giới không dùng A lại da. Vậy Tứ thánh pháp giới là thật sao? Tứ thánh pháp giới so với lục đạo dưới đó mà nói nó là thật, lục đạo là giả, tứ thánh pháp giới là giả, không phải là thật. Nếu như so sánh với Thường tịch quang mà nói thì nó

vẫn là giả. Với Kinh Hoa Nghiêm đây là viên giác. Từ sơ trụ đến đẳng giác 41 địa vị, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, 40 thứ bậc, trên đó còn có một bậc nữa là Đẳng giác, họ trú báo độ. Hướng lên cao hơn một bậc nữa là Diệu giác vị. Cõi thật báo cũng không thấy nữa. Cho thấy Phật nói câu: “phàm có hình tướng đều là hư vọng”, cõi thật báo cũng không ngoại lệ. Ngài không nói cõi thật báo là ngoại lệ, cõi thật báo cũng không ngoại lệ. Hướng lên trên nữa là thường tịch quang, thường tịch quang không có tướng, có thể hiện tất cả tướng. Ngay cả cõi thật báo cũng là thường tịch quang hiện ra. Vậy là hoàn toàn trở về với tự tánh rồi, đạt đến cứu cánh viên mãn, cho nên Kinh Hoa Nghiêm xưng là Diệu giác quả vị, vô thượng chánh đẳng chánh giác. Dùng những danh từ này để xưng tán Ngài.

Ngày nay chúng ta thực sự là phàm phu đúng nghĩa, kiến tư phiền não một phẩm chúng ta cũng chưa đoạn được, chúng ta học Phật có thể nói là đi học lớp mẫu giáo trong Phật Giáo mà thôi, chưa lên được lớp một. Lớp một, thì kiến hoặc này phải đoạn được rồi. Đây là lớp một. Từ lớp hai trở lên liền đoạn tư hoặc, tư hoặc khó đoạn. Lớp hai lớp ba lớp bốn lớp năm lớp sáu, năm cấp bậc này mới đoạn được tư hoặc. Nếu như chúng ta dùng cách nói của Tiểu thừa thì rất rõ ràng, quý vị xem ví trí của chúng ta ngày nay, dùng Tiểu thừa mà nói thì chúng ta là sơ quả hướng, chưa chứng được sơ quả, là hướng đến sơ quả, là phương hướng này, là mục tiêu này, chưa đạt đến được. Nếu như đạt đến được rồi, thì quý vị được gọi là chứng đắc sơ quả, tức là Tiểu thừa sơ quả. Sau khi chứng được sơ quả rồi, lại hướng thượng nâng cao, gọi là nhị quả hướng. Đây là vị thứ ba, Bồ Tát nhị tín vị. Bồ Tát tam tín vị tức chứng nhị quả. Bồ Tát tứ tín vị là chứng tam quả hướng. Bồ Tát ngũ tín vị là tam quả, chứng tam quả. Thất tín vị mới là A la hán, thoát ly lục đạo luân hồi rồi. Cho nên Tiểu thừa A la hán tương đương với trong Kinh Hoa Nghiêm nói, Thất tín Bồ Tát trong thập tín Bồ Tát, quả vị thứ bảy. Đến thứ tám trở lên, bát tín vị là Bích chi Phật, cửu tín vị là Bồ Tát, thập tín vị là Phật. Ba giai đoạn này đều đã đoạn được rồi. Trần sa phiền não và vô minh phiền não, vô minh phiền não đoạn rồi, vậy là nhập vào cõi Thật báo, nhưng tập khí chưa đoạn. Điều này khiến chúng ta có thể hiểu được, Bồ Tát trong cõi thật báo thực sự họ chứng được pháp môn bình đẳng. Bình đẳng vì sao Phật còn nói có 41 địa vị? 41 địa vị này ngày nay chúng ta có thể hiểu được, không thể nói nó có cũng không thể nói nó không có. Quý vị nói nó không có, những Bồ Tát trong đây tập khí vô thì vô minh dày mỏng khác nhau, quý vị nói nó có, họ đã buông bỏ khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm buông bỏ rồi, họ còn có gì nữa, có tập khí. Không phải là phiền não thực sự chỉ là tập khí mà thôi. Cho nên Cõi Thật báo không thể nói có, không thể nói không có. Nó chỉ có tâm hiện, không có thức biến, cho nên thế giới đó là vĩnh hằng, không có thay đổi, tức là con người không có sanh già bệnh chết. Thế giới mà họ cư trú không có luân hạ thu đông, luân sanh hạ trưởng ở thế giới đó hoàn toàn không thấy nữa. Trong thế giới đó quý vị nhìn thấy được đều là vĩnh hằng, nên gọi là nhất chân pháp giới. Những thứ này chúng ta sơ lược hiểu rõ rồi, hiểu thấu đáo rồi, quan trọng chính là một chữ ‘ly’ ở đây, chúng ta phải lìa khỏi như thế nào? Phải rời khỏi lục đạo luân

hồi, phải lìa khỏi thập pháp giới, phải rời khỏi Cõi Thật báo trang nghiêm, mới có thể trở về Thường tịch quang. Thường tịch quang là vĩnh hằng bất biến. Lục tổ Huệ Năng đại sư đại triệt đại ngộ là gì? Đó là nói Thường tịch quang Tịnh Độ, “vốn tự thanh tịnh, vốn không sanh diệt”, trong cõi Thật báo thanh tịnh nhưng có sanh diệt, “vốn tự đầy đủ”, Thường tịch quang vốn tự đầy đủ, cõi Thật báo không phải là vốn tự đầy đủ. Sự đầy đủ của nó là tâm hiện, nó là sở hiện, cõi Thật báo là sở hiện, Thường tịch quang là năng hiện, rất khác nhau. “Vốn không dao động, năng sanh vạn pháp”, toàn là nói tự tánh, Thường tịch quang.

Phật Thích Ca Mâu Ni lúc minh tâm kiến tánh, đem những cảnh giới Ngài thấy được nói ra hết, giảng một bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Đó là gì? Khắp pháp giới hư không giới, tánh- tướng, lý- sự, nhân- quả của tất cả pháp, đây là điều nói trong Kinh Hoa Nghiêm. Ngài giảng rất tường tận. Huệ Năng đại sư nói cho chúng ta đơn giản hơn, Huệ Năng đại sư nói năm câu chính là rút gọn của Kinh Hoa Nghiêm. Triển khai năm câu của Huệ Năng đại sư, chính là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Ngày nay chúng ta dùng cách ly như thế nào? Ở đây dạy cho chúng ta cách ly, ly chính là buông bỏ.

Sanh, chữ sanh này là sanh tử luân hồi trong lục đạo. Trong kinh giáo Đại thừa thông thường nói chính là đoạn kiến tư hoặc, vĩnh ly tam giới chi sanh, đây gọi là chánh tánh ly sanh. Trong tự tánh không có lục đạo luân hồi, trong tự tánh không có, tất cả đều phải lìa. Trong tự tánh không có thân, không thể nói không có ngã. Trong tự tánh có thường lạc ngã tịnh. Đó là vĩnh hằng bất diệt, đây là tánh đức.

“Ngã” nghĩa là gì? Nghĩa chủ thể. Thứ hai là tự tại. Trong thân của chúng ta không có ngã. Thân tôi không làm chủ được. Tôi nếu làm chủ được, thân tôi tướng mạo tốt, mỗi người chúng ta đều muốn! Thân thể mạnh khỏe, vĩnh viễn không sanh diệt, làm không được, quý vị không làm chủ được. Người người đều muốn trường sanh bất lão, vẫn là mỗi năm đều lão hóa. Đây chính là quý vị không làm chủ được, quý vị không tự tại, quý vị có tám khổ, có khổ sanh lão bệnh tử, có cầu bất đắc, có ái biệt ly, oán tắng hội, quý vị làm sao mà tự tại được! Đây là điều Phật nói với chúng ta nhắc nhở chúng ta, quý vị phải giác ngộ, thân không phải là ta. Ta là gì? Ta hoàn toàn không lìa bỏ thân thể này, giống như trong hội Lăng nghiêm, vua Ba Tư Nặc lo lắng bản thân già rồi, già rồi phải chết, phải làm sao? Làm sao có thể không chết được? Phật nói với chúng ta thân thể này có sanh diệt, có sanh diệt tức có sanh tử, nhưng trong thân thể của chúng ta đồng thời tồn tại một thứ không có sanh diệt. Không có sanh diệt nó sẽ không có sanh tử. Trong thân thể này có hai thứ, dùng lời hiện tại mà nói, một là vật chất, một là tinh thần. Vật chất có sanh tử, tinh thần không có sanh tử. Tinh thần ở đâu? Phật liền hỏi ông ấy, và nêu một ví dụ là con mắt, mắt sẽ nhìn được, tánh thấy này không có sanh tử, nó không già. Phật Thích Ca Mâu Ni nêu một ví dụ, hỏi ông ấy, ông nhìn thấy nước sông Hằng từ lúc nào, là lần đầu tiên nhìn thấy? Lúc

ba tuổi. Mẫu thân dẫn ông đi qua sông hằng, nhìn thấy nước sông hằng, thấy được nước sông hằng. Bây giờ ta chỉ nói thấy, không nói những việc khác. Ông mười năm sau, cái thấy hằng hà kia có thay đổi hay không? Không có thay đổi. Bên ngoài sông Hằng có thay đổi, bên ngoài cảnh giới có thay đổi, tôi nói cái thấy không thay đổi. Lúc ba mươi tuổi, qua thêm mười năm nữa, năm ba mươi tuổi, tánh thấy của quý vị và lúc hai mươi tuổi không có thay đổi? Không có thay đổi. Phật hỏi ông ấy, năm nay người bao nhiêu tuổi rồi. 62 tuổi, cái thấy của 62 tuổi, và cái thấy lúc ông ba tuổi, có thay đổi hay không? Không có thay đổi. Không có thay đổi vậy thì nó sẽ không sanh diệt. Ngày nay chúng ta nói già rồi mắt tôi hoa rồi, đó là vật chất của quý vị, mắt của quý vị có vấn đề, không phải là cái thấy có vấn đề. Vì sao vậy? Quý vị mang kính không phải đã khôi phục, thị lực vẫn như lúc còn trẻ vậy sao? Là vấn đề trên sinh lý của chúng ta, không phải là vấn đề trên tánh thấy, tánh thấy không có vấn đề gì. Nếu như tánh thấy cũng lão hóa rồi, thì có đeo kính cũng không được. Cho nên nói là tánh thấy của quý vị, tánh nghe của quý vị, kiến văn giác tri của quý vị, căn tánh sáu căn không có thay đổi. Không có thay đổi, Phật nói điều đó là bất sanh bất diệt. Có thay đổi là thân thể của quý vị, nhục thể của quý vị, nhục thể của quý vị có thay đổi, nhục thể có sanh diệt. Linh tánh của quý vị bất sanh bất diệt. Vua Ba Tư Nặc hiểu rồi, vô cùng vui và cảm ơn Phật. Biết được bản thân là gì? Bản thân bất tử! Không có sanh tử. Hóa ra sanh tử là thân thể, không phải là ta. Thân thể không phải là ta, ta là linh tánh. Thế gian chúng ta người thông thường nói là linh hồn, linh hồn và linh tánh là một không phải hai. Nhưng có sai biệt. Sai biệt ở đâu? Linh hồn mê hoặc, không có trí tuệ, nó ngu si, linh tánh có trí tuệ, linh tánh không mê. Chúng ta tu hành, thân thể là thứ yếu, linh tánh quan trọng nhất, làm thế nào để linh hồn mê hoặc điên đảo này, đem nó tu trở thành linh tánh, làm cho nó buông bỏ ngu si, buông bỏ tham, sân, si, mạn, nghi, trở về với thanh tịnh bình đẳng giác, linh tánh là thanh tịnh bình đẳng giác, linh hồn là tham, sân, si, mạn, nghi. Phải hạ công phu ngay nơi này vậy. Đây gọi là chân công phu. Cho nên ngày nay chúng ta, thứ nhất là Phật từ bi, từ bi đến cực điểm, Ngài đều làm gương cho chúng ta thấy. Thân thể này tại thế gian thứ nó cần là gì? Ăn uống, áo quần, nơi che gió che mưa là được rồi, là đủ rồi. Cho nên Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện cho chúng ta, ba y một bát, ngày ăn một bữa, gốc cây ngủ một đêm. Sự thị hiện này nói với chúng ta điều gì? Thân thể ở thế gian này thứ nó cần rất có hạn, quý vị chỉ cần giữ gìn nó ở giới hạn thấp nhất này, thân thể này sẽ không hư đi. Đây gọi là gì? Cổ nhân nói là “tri túc thường lạc”. Thực sự làm được rồi, không cạnh tranh với người, không cầu gì ở đời. Người thế gian tranh qua tranh lại là gì? Vẫn chỉ là những thứ nuôi thân này. Họ còn tham lam hưởng thụ chẳng qua cũng chỉ những thứ này, giống như Phật Thích Ca Mâu Ni vậy kiêu sinh hoạt đó ai muốn? Ai cũng không muốn sống cuộc sống như vậy. Tuyệt đối không có người tranh với đức Phật Thích Ca Mâu Ni những của cải sinh hoạt đó. Không thể nào. Ngài biểu diễn những thứ này cho chúng ta xem. Chúng ta không có công phu giống như Phật Thích Ca Mâu Ni vậy. Đó gọi là thực sự công phu. Tâm địa của Ngài thực sự là thanh tịnh. Chúng ta từ nơi hành nghi một đời của

Ngài để xem, thân thể của Ngài đích thực là thân kim cang bất hoại. Mỗi ngày ngủ ngoài sương đêm, Ngài tập thành thói quen rồi, đây là học tập Ấn độ cổ trong tôn giáo và triết học những đại đức khổ hạnh, đem cuộc sống vật chất hạ thấp xuống mức độ thấp nhất, nghèo nàn nhất, Ngài được tự tại, tâm Ngài vĩnh viễn là định. Ngài không tham, không sân, không si, không có ngạo mạn, không hoài nghi. Ngài không còn nữa. Đây gọi là đắc đại tự tại! Là cuộc sống đại tự tại. Chúng ta nên học tập theo Ngài. Ăn uống, ăn mặc, hoàn cảnh cư trú biết dừng đúng lúc. Không cần quan trọng sự hoa lệ, xa xỉ, đó là sai lầm, đó chính là tội lỗi, tâm chúng ta mới có thể trở về với thanh tịnh.

Vĩnh ly tam giới, tham, sân, si, mạn, nghi, quý vị liền có thể siêu việt! Quý vị đối với thế gian này có lưu luyến, quý vị sẽ không rời bỏ được nó. Điểm này chúng ta nhất định phải có sự cảnh giác cao độ, thứ gì cũng không thể lưu luyến. Chỉ cần có mấy may lưu luyến, quý vị sẽ không ra khỏi lục đạo luân hồi. Quý vị học Phật rồi, đối với thế gian quý vị có thể buông bỏ, nhưng Phật Pháp không buông bỏ được.

Tôi ở Mỹ từng gặp một vị pháp sư, ông yêu thích sưu tầm đồ cổ, ông sưu tầm những gì? Tượng Phật, những cổ vật thời cổ đại như lu hương, pháp khí. Ông thích sưu tầm những thứ này, vô cùng đắt đỏ. Ông có một căn phòng, căn phòng đó đều là đồ quý báu, sưu tầm bảo vật. Mỗi một thứ giá trị đều vô cùng cao. Tôi đến San Francisco giảng kinh, ông mời tôi đến tinh xá ông ấy cúng trai, mời tôi dùng cơm, mở cửa bảo tàng của ông ấy để tôi vào tham quan, thực sự là bảo vật, cánh cửa đó không dễ dàng gì mở ra, không phải là người ông ấy rất tôn trọng, ông ấy sẽ không để cho họ vào, kể ra cũng khá, để cho tôi vào xem một tí. Phiền phức là ở đâu? Những thứ này ông không thể quên được, trong tâm thật có, nếu như sau khi chết rồi, ông ấy đi về đâu? Chúng ta liền hiểu được sau khi chết rồi nhất định không rời xa được căn phòng sưu tầm đồ cổ đó, căn phòng đó có những gì? Căn phòng đó có chuông, có gián, có kiến, ông ấy liền đầu thai đến đó, vĩnh viễn giữ kỹ những thứ của ông ấy, quý vị nói xem như vậy có phiền phức không! Ông nếu như không chịu buông bỏ, ông ấy sẽ không thể nào lìa khỏi được.

Còn có một loại yêu thích, tôi cũng thuộc về kiểu đó, yêu thích kinh sách, hiện tại thì sao? Hiện tại tôi buông bỏ rồi. Tôi yêu thích thu thập kinh sách, yêu thích thu thập kinh sách, luôn luôn ghi nhớ những thứ này, tương lai chết đi rồi phải làm sao? Trong kinh sách có một sách, một sách chính là người yêu thích kinh sách. Vậy thì đáng sợ biết bao! Nghĩ đến đây, thì không buông bỏ là không được. Cho nên những sách này tôi liền tặng cho các thư viện, tặng cho tự viện am đường, để cho lâu tàng kinh họ thu thập, tôi không cần nữa. Chúng tôi đời này phải vĩnh ly thân trong tam giới. Chúng ta hiện tại biết rồi, chỉ cần một bộ Kinh Vô Lượng Thọ là được rồi, một câu A Di Đà Phật, ngoài ra không cần nữa, thứ gì cũng buông bỏ hết. Học đại sư Liên Trì, tam tạng mười hai bộ kinh để cho người khác ngộ, tám vạn bốn ngàn hạnh,

nhường cho người khác hành, tôi chỉ một bộ kinh A Di Đà, một câu A Di Đà Phật, là đại sư Liên Trì. Đây gọi là ly sanh pháp.

Chúng ta phải hiểu được, những của cải hiện tiền có được, nhưng đồng tu tại gia có sản nghiệp, bất luận là nhiều ít, bản thân quý vị phải hiểu được, sanh không đem đến, chết không mang theo, có được là vì quý vị có phước báo. Phước báo quý vị muốn có được phước báo này càng tích lũy càng lớn, phước báo đó tặng cho người không có phước báo đi hưởng, chăm sóc cho người khác. Phước báo mọi người hưởng, không nên hưởng một mình. Mọi người hưởng, phước báo này của quý vị sẽ vô cùng lớn, đời sau càng lớn hơn đời trước, lớn đến nỗi thế gian này không dung được, liền đưa quý vị sanh lên cõi trời, hưởng thiên phước, Đại phạm thiên vương. Nếu như phước báo lớn hơn Đại phạm thiên vương nữa, lại đưa quý vị lên trên nữa, đưa lên đến Ma hê thủ la thiên vương. Quý vị từng bước lên cao. Ma hê thủ la thiên vương nếu như đem phước báo của họ tất cả đều bỏ hết, họ liền thành Phật. Điều này phải cần có trí tuệ, người không có trí tuệ họ không nghĩ đến được. Người không có trí tuệ họ cũng làm không được, thực sự sau khi hiểu rõ rồi, nhất định phải buông bỏ.

Trong kinh Phật thường gọi “nhị túc tôn”, túc là mãn túc, viên mãn. Nhị là gì? Một là phước báo viên mãn, thứ hai là trí tuệ viên mãn. Chúng ta “quy y Phật, nhị túc tôn”, trong viên mãn phước báo và trí tuệ, Phật là vị xếp số một, không thể nào sánh được với Phật. Phước báo của Phật hoàn toàn là để cho mọi người hưởng, bản thân Ngài không hưởng. Cho nên phước báo của Ngài không ai có thể sánh được. Trí tuệ của Phật viên mãn rồi, vì sao vậy? Hoàn toàn là lợi ích tất cả chúng sanh, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ. Phước báo của Phật giúp chúng sanh ly khổ được vui. Quý vị xem xem, điều này quá lớn lao! Trí tuệ giúp người phá mê khai ngộ, phước báo giúp người lìa khổ được vui. Phước báo của Ngài là viên mãn. Chúng ta có phước báo là tự lợi, có trí tuệ cũng là tự lợi, không chịu lợi tha. Vậy là không được rồi. Điều này trái ngược với tự tánh. Quý vị muốn hỏi vì sao nhất định phải lợi tha? Bởi vì tự tha là một không phải hai. Toàn thể vũ trụ, khắp pháp giới hư không giới, cũng giống như thân thể mỗi người chúng ta vậy. Mỗi chúng ta, một người giống như một tế bào trong thân thể chúng ta vậy, một tế bào trong thân thể chúng ta và vô số tế bào trong toàn thân này, là một hay là hai? Tế bào này nói, ta đều tự lợi, ta không chịu giúp đỡ người khác, tế bào thân thể này của quý vị không tệ, rất tốt, những tế bào khác hư hoại rồi, quý vị có thể sống được không? Chỉ có Phật và pháp thân Bồ Tát mới thực sự khẳng định, vì sao vậy? Bởi họ chứng được khắp pháp giới hư không giới và bản thân là một thể. Cho nên lợi tha thực sự là tự lợi, tự lợi thực sự là tự hại. Đạo lý này, chân tướng sự thật này, chỉ có trong kinh Phật Đại thừa mới giảng một cách thấu triệt.

Chúng ta học tập qua, quốc sư Hiền Thủ viết Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, trong Hoàn Nguyên Quán nói rất rõ ràng, với các nhà vật lý học tiên tiến nhất hiện nay phát hiện được càng ngày càng tiếp cận. Giới khoa học đem những lời Phật Thích Ca

Mâu Ni đã nói đều chứng minh được rồi, cho thấy lời Phật giảng không phải là giả. Nếu như chúng ta cũng có thể khẳng định được, cũng có thể lãnh ngộ, thể hội cảm ngộ được chúng ta nhất định là tự động tự phát quên mình vì người.

Thế giới ngày nay thiên tai quá nhiều! Nơi nào thiên tai nặng nhất thì chúng ta đến đó. Vì sao vậy? Nếu như quý vị một lòng vì chúng sanh, tâm thái quý vị tốt, từ trường của quý vị tốt, quý vị đến đó sẽ làm cho nơi đó những từ trường bất thiện, từ trường ác liệt bị làm cho giảm nhẹ bớt một phần. Ví dụ như nơi đó là sóng lớn, sóng gió rất lớn, nơi quý vị đứng là nước bình lặng, lúc nước này đổ vào sóng lớn, sóng lớn sẽ thấp bớt. Quý vị tuy cũng theo sóng mà trôi, nhưng quý vị làm cho sóng lớn hạ thấp bớt. Điều này chứng tỏ người thực sự tu hành, đến nơi mà tạo ác nghiệp đó, sẽ làm cho ác báo của họ được giảm nhẹ. Phải có quyết tâm. Cho dù trong tai nạn có chết đi thì không có gì đáng tiếc, vì sao vậy? Vì chết rồi thì hiểu được thân thể này chết ở trong tai nạn đó, linh tánh càng nâng cao hơn. Cho nên trong kinh giáo nói Bồ Tát xả thân cho hổ ăn, nhìn thấy hổ tìm không ra thức ăn, rất đáng thương, đói khát, Bồ Tát thấy được tình nguyện đem thân thể cho hổ ăn. Ngài xả thân cho hổ ăn, ngài có được là gì? Ngài nâng cao rồi, đẳng cấp của Bồ Tát nâng cao. Sơ trụ Bồ Tát chốc lát đã nâng cao đến nhị trụ, tam trụ, tứ trụ, hướng thượng đi lên, không thiệt thòi.

Phàm phu chúng ta nhìn thấy Bồ Tát này cho là ngu si, quý vị xem thân mạng mình bỏ đi cho một con hổ ăn, cắt thịt cho điều hâu ăn thì càng là việc nhỏ. Nhẫn nhục tiên nhân bị Ca lợi vương cắt xẻo thân thể, công đức này lớn! Ngài vì giáo hóa chúng sanh, mấy mươi người tiếp nhận sự giáo hóa của Ngài, hiểu được thiện căn, tương lai nhất định được độ, tuy gặp nạn Ca lợi vương như vậy, ngài được nâng cao rất nhiều, nên thành Phật trước kỳ hạn. Đây là Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật của chúng ta, câu chuyện Bồ Tát đạo trước lúc chưa thành Phật. Cổ nhân Trung có câu danh ngôn nói: “chịu thiệt là phước”. Quý vị có tình nguyện chịu thiệt không? Quý vị chịu thiệt thòi nhất định có đại phước báo. Người hiểu được nhân quả biết được có thể lợi dụng được người khác hay không? Không thể được. Con người có bị thiệt thòi hay không? Không có, cũng không thể nào, chắc chắn không có. Quý vị chịu thiệt, sau này có phước báo lớn đang đợi quý vị, nhất định quý vị đạt được. Quý vị chịu thiệt thòi, giết người phải đền mạng, thiếu nợ phải trả tiền, còn phải thêm lợi tức, còn phải đọa tam đồ chịu khổ báo. Đây đều là thật. Hơn nữa sự việc này ở ngay trước mắt, hoàn toàn không xa vời, ở ngay trước mắt. Một hơi thở không đến nữa, quả báo liền hiện tiền. Cho nên thực sự thông đạt hiểu rõ, hà tất phải làm những việc ngốc nghếch này làm gì? Con người một đời tại thế gian quang minh lỗi lạc, không có ý niệm nào tổn thương đến chúng sanh, quý vị tự tại biết bao, niệm niệm đều đang nghĩ cho tất cả chúng sanh những phúc lợi thực sự của họ. Phúc lợi thực sự là giáo dục đại thừa. Pháp thân Bồ Tát ứng hóa tại thế gian, bất luận là thân phận gì, cũng không rời Đại thừa. Bản thân làm ra tám gương Đại thừa, cũng thực sự nỗ lực hướng dẫn Đại thừa. Đây là lợi ích chân thật trong lợi ích, phúc lợi chân thật trong phúc lợi. Ai biết được? Chư Phật Như

Lai, Pháp thân Bồ Tát biết được. Cho nên họ thật làm. Chúng ta phải học, tức là học buông bỏ, học nhìn thấu, niệm niệm không quên. Nhìn thấu buông bỏ, tự tại tùy duyên. Cuối cùng qui về niệm Phật, không có ai không vãng sanh, không có ai không thành Phật, hơn nữa một đời thành tựu. Nếu như không niệm Phật, thì thành tựu cũng nhiều đời nhiều kiếp. Niệm Phật nhất định một đời thành tựu. Tâm là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Đây là Đại thừa.

Dưới đây trích dẫn Vạn Thiện Đồng Quy Tập viết: “Tề đặng giải thoát chi môn, hàm xiển li sanh chi đạo”. Xiển dương chính là khai triển, triển khai. Chú ý nơi một chữ ‘tề’ và chữ ‘hàm’, không phải là một mình bản thân, hi vọng tất cả chúng sanh đều có thể bước lên cửa giải thoát, chúng ta nói là vào cửa giải thoát. Chúng ta muốn vào, tất cả chúng sanh cũng muốn vào. Giải là gì? Là giải trừ phiền não. Thoát là gì? Thoát ly sanh tử, thoát ly khổ báo. Hàm cũng như vậy. Phật đang làm, xiển dương ngày nay chúng ta nói là hoằng pháp, hoằng dương. Xiển có nghĩa là hoằng dương vậy. Thoát ly luân hồi, thoát ly khổ nạn. Con đường này, phương pháp này, đạo này là phương pháp, là con đường. Xa rời lục đạo là phân đoạn sanh tử, thập pháp giới là biến dị sanh tử, hai loại sanh tử đều ly, quý vị liền chứng đắc giải thoát. Sự giải thoát này chính là cõi thật báo trang nghiêm. Thế Giới Tây Phương Cực Lạc đặc thù, đây là nơi chúng ta nhất định phải đi. Vì sao vậy? Cõi Phạm Thánh Đồng Cư hạ hạ phẩm vãng sanh được 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Sanh đến đó, quý vị liền đạt được sự đãi ngộ đồng đẳng như Bồ Tát cõi Thật báo. Những gì đồng đẳng? Trí tuệ, đạo lực, thần thông. Tất cả và tất cả đều không khác gì với Bồ Tát ở cõi thật báo, bao gồm cả tự hành hóa tha, vô lượng pháp môn quý vị đều đạt được hết. Trong cõi Phật khác không phải tình hình như thế này. Quý vị ở trong cõi đồng cư quý vị phải thoát ly lục đạo. Trong cõi phương tiện quý vị phải thoát ly thập pháp giới. Đó không phải là một sự việc dễ dàng.

Thập phương Bồ Tát, nhờ nghe danh này đều chứng pháp ly sanh này. Pháp ly sanh này là pháp gì? Chính là điều trong kinh này nói “nhất hướng chuyên niệm, cầu sanh tịnh độ”, đây chính là pháp ly sanh.

Quý vị xem dưới đây nói “tịnh đắc đà la ni”, nhất hướng chuyên niệm, một phương hướng, một mục tiêu, chuyên niệm Phật A Di Đà. Sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, không những vĩnh viễn lìa lục đạo luân hồi, cũng vĩnh viễn lìa thập pháp giới. Phương pháp này chỉ có Tịnh Độ có, ngoài pháp môn Tịnh Độ ra không có.

“Tịnh đắc đà la ni”, đà la ni là tiếng Ấn độ, tiếng Phạn, dịch thành ý nghĩa tiếng Trung là tổng trì, “tổng tất cả pháp, trì tất cả nghĩa”, đoạn trước có giải thích, ở đây không nói nữa. Ở đây giới thiệu cho chúng ta đà la ni có bốn loại, điều này trước đây chưa nói qua, thứ nhất là pháp đà la ni. Đối với cách dạy của Phật nghe trì mà không quên. Loại đà la ni này, năm xưa khi đức Thế Tôn còn tại thế, Tôn giả A Nan có điều

này, trí nhớ của Tôn giả A Nan rất tốt, nghe một lần cả đời sẽ không quên, không đơn giản! Chúng ta thì không được. Lúc tôi còn trẻ, tức là năm hơn hai mươi tuổi, học kinh giáo với thầy Lý, năng lực của tôi chỉ được bảy ngày, tôi nghe thầy giáo giảng kinh, nghe một lần, trong vòng bảy ngày dường như không có vấn đề gì, bảo tôi giảng lại, tôi có thể giảng lại, hoàn toàn dựa theo lời của thầy không thêm không bớt, cũng có thể bị sót một hai câu, sót mất sẽ không nhiều lắm, bảy ngày. Thời gian dài thì không được, dần dần sẽ quên mất. Ngài A Nan giỏi lắm, nghe qua một lần, suốt đời sẽ không bao giờ quên. Đây gọi là thực sự đắc đà la ni. Chúng ta lúc còn trẻ trí nhớ còn có thể nói rất khá, nhưng đó không phải là đà la ni. Nếu như là đà la ni, thì vĩnh viễn sẽ không bị quên đi.

Thứ hai là nghĩa đà la ni. Đối với nghĩa của các pháp luôn hành trì mà không quên. Đoạn trước là dạy học, ở đây là ngộ nhập, ý nghĩa hoàn toàn thông đạt, thấu suốt. Cho nên học giáo, hoằng giáo, hai sự việc này vô cùng quan trọng. Không có năng lực này, thì không thể giống như Phật Bồ Tát giáo hóa chúng sanh. Quảng học đa văn, quảng học đa văn không phải là vì bản thân. Điểm này các đồng học nhất định phải ghi nhớ. Vì bản thân là “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, bản thân đắc tam muội, đại khai viên giải, đại triệt đại ngộ, điều này vì bản thân. Vì chúng sanh thì phải quảng học đa văn. Vì sao vậy? căn tánh chúng sanh khác nhau, quý vị không thể dùng một phương pháp mà dạy cho tất cả chúng sanh. Họ không thể tiếp thu, nên Phật Thích Ca Mâu Ni cả một đời nói rất nhiều pháp môn, đây là vì chúng sanh! Dần dần dẫn dắt chúng sanh, cuối cùng dẫn dắt chúng sanh đến với Tịnh Độ, Ngài đã thành công rồi. Phương pháp này chúng ta hiểu được rồi, chúng ta phải học, hóa độ một chúng sanh, không phải một đời có thể làm cho tốt được, đời đời kiếp kiếp, gấp cũng không được. Phải hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, chúng sanh hoan hỷ, mới có thể thành tựu. Vì thế thầy giáo rất coi trọng kết pháp duyên với học trò. Quý vị không có duyên với họ, họ sẽ không tiếp xúc với quý vị. Quý vị có duyên với họ, họ sẽ rất hoan hỷ tiếp xúc quý vị, tiếp xúc quý vị mới có thể đạt được lợi ích của pháp. Họ nếu như không tiếp xúc thì họ làm sao mà đạt được? Sự việc kết duyên này rất quan trọng! Kết duyên phải biết bố thí, trong bố thí có bố thí tài, bố thí pháp, bố thí vô úy, ba loại bố thí phải hiểu được phương tiện thiện xảo, vận dụng nó một cách xảo diệu. Ba loại bố thí kết duyên với chúng sanh, dẫn dắt chúng sanh trở về với đại thừa, cuối cùng trở về với Tịnh Độ. Tâm này đại công vô tư, không có một chút tư tâm nào. Thực sự là toàn tâm toàn lực vì chúng sanh phục vụ. Giúp đỡ chúng sanh phá mê khai ngộ, lia khổ được vui, lia khổ rốt ráo, đắc lạc rốt ráo. Đây là sự nghiệp của Phật và Pháp thân Bồ Tát. Làm sự nghiệp này có vất vả hay không? Không vất vả. Vì sao không vất vả? Họ vô ngã, tam luân thể không, vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng, thì khổ đâu mà có! Chấp tướng là khổ, không chấp tướng là lạc. Chẳng những không chấp tướng, ngay cả ý niệm cũng không sanh.

Quý vị xem Kinh Kim Cang nửa bộ sau nói: vô ngã kiến, vô nhân kiến, vô chúng sanh kiến, vô thọ giả kiến. Kiến đó là ý niệm, ý niệm cũng không có. Cho nên làm mà không làm, không làm mà làm, pháp hỷ sung mãn! “Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ”, duyệt đó chính là pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ.

Ý nghĩa thứ ba của tổng trì chính là chú đà la ni. Lại chú đà la ni, có năm tên, theo ý của Bí Tạng Ký, ý nghĩa trong Bí Tạng Ký, năm tên, thứ nhất là đà la ni, thứ hai là minh, thứ ba là chú, thứ tư là mật ngữ, thứ năm là chân ngôn, đều là một sự việc, cũng tức là nói đà la ni có năm tên gọi. Điều này trong Mật tông tất cả đều nói đến.

Dưới đây nói, đà la ni là lúc Phật phóng quang, nói ở trong quang vậy. Nên nói đà la ni và minh, nghĩa của nó không khác. Minh là quang. Nói ở trong quang, có tình hình như vậy không? Có. Tôi còn thấy được, tôi đã gặp qua hai ba người, họ có thể nghe thấy âm thanh bên ngoài đến truyền lời, họ truyền đến là kinh, là chú, họ có thể nghe được. Có rất nhiều kệ tụng, cũng có rất nhiều tin tức. Người có được năng lực này không nhiều. Trong Phật Pháp có lẽ là nói thiên nhĩ thông, dùng lời hiện tại để nói họ có năng lực nghe được âm thanh từ tầng không gian khác. Có duyên với Phật có thể nghe được âm thanh mà Phật Bồ Tát thuyết pháp. Sự việc này tôi đã gặp qua hai người rồi. Họ đều đến hỏi tôi: những thứ này là thật hay là giả, đáng tin hay không? Tôi nói với họ: nếu như quý vị nghe được những truyền âm này, so với những điều trong kinh giáo nói, nguyên lý, nguyên tắc không trái ngược, thì đó là thật, nên y giáo phụng hành. Nếu như trái ngược với những điều nói trong kinh điển, thì chúng ta vẫn nên tin tưởng kinh, chúng ta không nên nghe họ nói. Phải nắm vững nguyên lý này. Kinh điển là tiêu chuẩn đúng đắn, tiêu chuẩn duy nhất.

Kinh Phật mà người Trung Quốc phiên dịch, chúng ta nên có lòng tin với nó, nhất định không được hoài nghi. Phật nói phiền não căn bản tham, sân, si, mạn, nghi, nghi này có lẽ chính là chỉ cho sự việc này vậy. Nếu như đối với phiên dịch này sinh hoài nghi, thì chúng ta không còn gì nữa cả, tổn thất rất lớn rất lớn.

Tôi lúc mới học Phật, tôi hoài nghi, tôi từng thỉnh giáo với cả ba vị thầy, tôi thỉnh giáo thầy Phương, tôi nói kinh Phật hay như vậy, Phạn văn từ Đông Hán đến Tùy Đường, số lượng truyền đến Trung Quốc vô cùng lớn, có một số người xuất gia Trung Quốc đến Ấn độ thỉnh kinh mang về, cũng có rất nhiều những cao tăng đại đức Ấn độ đến Trung Quốc truyền giáo họ đem đến, còn có số lượng ít là thương nhân lúc họ đi kinh doanh, cũng đem những kinh sách này truyền đến Trung Quốc, phân lượng rất nhiều. Phiên dịch không phải hoàn toàn phiên dịch ra hết, sau khi đến Trung Quốc trải qua chọn lọc, nói cách khác những sách thích hợp với tình hình Trung Quốc, thích hợp với văn hóa bản địa yêu cầu mới phiên dịch nó đầu tiên. Công trình phiên dịch rất lớn, đều trải qua sàng lọc, nhiều thứ tốt như vậy, vì sao không bảo tồn lại, toàn bộ đều thất truyền, không còn nữa. Đây là đạo lý gì? Chúng ta hiện tại con người biết được

những thứ tốt mà bảo tồn lại, cổ nhân cũng hiểu được, đời này qua đời khác truyền xuống, vì sao lại bị thất truyền? Thầy Phương nói với tôi, thầy nói: ông không biết, người Trung Quốc ngày xưa và người Trung Quốc hiện tại không giống nhau. Tôi nói không giống nhau như thế nào? Người Trung Quốc hiện tại không có tín tâm đối với bản thân, cái gì cũng nước ngoài mới tốt, người Trung Quốc ngày xưa có lòng tin, đối với truyền thống của mình có lòng tin. Đó là thứ không có gì sánh bằng, lòng tự tin. Cho nên kinh Phật sau khi phiên dịch ra tiếng Trung, người phiên dịch này khẳng định, mọi người đều khẳng định, nhất định là nguyên vị, phiên dịch hay đến như vậy, không có biến chất. Hơn nữa văn tự Trung văn càng hoa mỹ hơn Phạn văn. Nói cách khác sau khi phiên dịch thành Trung văn, kinh điển Trung văn có thể thay thế Phạn văn, thay kinh điển nguyên văn, không cần đi xem bản tiếng Phạn nữa. Quý vị nói xem hào khí này, khí phách này, đâu giống như người Trung Quốc hiện tại. Đây là điều đáng được chúng ta tham khảo. Tôi tin thầy giáo không lừa tôi. Tôi thỉnh giáo với thầy Lý, thầy Lý nói với tôi: Trung Quốc là được trời ưu ái, những pháp sư làm việc phiên dịch kinh điển, trong đó rất nhiều người là Phật Bồ Tát tái lai. Thầy Phương là một nhà triết học, không nói đến Phật Bồ Tát tái lai. Thầy Lý nói với tôi: trình độ thấp nhất là tam quả trở lên, A la hán trở lên, là cảnh giới như vậy. Họ theo đuổi công tác phiên dịch. Nói cách khác, những người này có tu có chứng. Bây giờ tìm đâu cho ra những người chứng quả? Chỉ có thực sự chứng nhập vào cảnh giới Phật Bồ Tát, họ phiên dịch mới không có sai lầm.

Đại sư Chương Gia y trên nghĩa đà la ni khiến cho chúng ta nhận thức được Đại thừa, nhận thức được Phật Pháp. Nghĩa lý của kinh giáo từ trong tự tánh mà lưu xuất ra. Cho nên nó không phải là văn tự của nhân gian, không phải là ngôn ngữ của nhân gian, nó là từ tự tánh lưu xuất ra, cho nên văn tự kinh văn không sâu, câu câu chữ chữ ý vị vô cùng. Những nghĩa lý này pháp vị vô cùng! Tùy theo tầng thứ công phu tu học bản thân quý vị, một bộ kinh, lúc mới sơ học đọc kinh này, nhìn thấy ý nghĩa không nhiều lắm, rất hoan hỷ, sau mười năm xem lại từ đầu ý nghĩa không giống nữa, nâng cao rồi, quý vị mười năm sau nữa, có thể lại nâng cao hơn nữa. Cho nên kinh sách này quý vị đọc cả đời đọc cũng không chán. Vì sao vậy? Mỗi lần đều có ý nghĩa mới xuất hiện. Tâm quý vị càng thanh tịnh quý vị phát hiện càng nhiều. Nếu như tâm tình hời hợt quý vị sẽ không đạt được gì cả. Vậy nên tâm thái học tập quyết định thành tựu của quý vị. Đó là điều mà Ấn Quang Đại sư đã nói: một phần thành kính, quý vị nhìn thấy một phần ý nghĩa, hai phần thành kính quý vị nhìn thấy được hai phần ý nghĩa. Mười phần thành kính quý vị liền nhìn thấy được mười phần ý nghĩa. Văn tự của kinh mỗi một chữ không có thay đổi, quý vị nhìn ra ý nghĩa của nó sâu cạn rộng hẹp nhất định không giống nhau. Nghĩa lý sâu cạn rộng hẹp có phạm vi hay không? Không có, không có biên tế. Cho nên thật sự kiến tánh, đại khai viên giải, trong một bộ kinh thấy được vô lượng nghĩa. Mười phương thế giới Chư Phật Như Lai nói tất cả ý nghĩa của kinh giáo, quý vị có thể trong một câu một chữ nhìn ra được. Thế nên trong kinh Phật mới nói: Phật Pháp không ai nói, tuy trí cũng không hiểu được, là lời trong Kinh Hoa

Nghiêm. Phật Pháp nhất định phải có người giảng, người nào giảng? Người thực sự có thật tu, có thật chứng giảng, tìm không ra người chứng quả, chúng ta cũng phải tìm cho ra người thực sự tu hành, họ có tâm đắc thể hội về sự tu hành của họ, chúng ta sẽ được lợi ích. Nếu như họ có thể đọc, đọc được rất nhiều, họ có thể giảng giảng được rất nhiều, họ đều không làm được gì, vậy thì không cần phải tìm họ. Chúng ta tìm bản thân là được rồi, hà tất phải tìm họ? Dùng lời hiện đại mà nói, họ đem kinh điển Phật giáo xem thành một môn học thuật để nghiên cứu, gọi là Phật học. Chư vị nhất định phải nhớ kỹ, Phật học và học Phật là hai việc khác nhau. Học Phật mới có thể hiểu được nghĩa chân thật của Phật. Không học Phật, nghiên cứu kinh Phật không học Phật, thì họ đạt được là Phật học thường thức. Nghĩa lý ở trong đó họ không thể nào lý giải được.

Kệ khai kinh nói: nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa. Như lai chân thật nghĩa từ đâu mà có? Từ trong thanh tịnh, bình đẳng giác mà lưu xuất ra. Tâm của họ không thanh tịnh, không bình đẳng, mê mà không giác, họ làm sao có thể hiểu được Như Lai chân thật nghĩa? Quý vị muốn hiểu Như Lai chân thật nghĩa, quý vị nhất định phải tu tâm thanh tịnh. Trong tâm thanh tịnh không có tạp niệm, không có phiền não, họ mới sanh trí tuệ. Trí tuệ có thể hiểu Như Lai chân thật nghĩa, tri thức thì không được. Tri thức và trí tuệ là hai sự việc khác nhau, chúng ta không thể không biết. Không những Phật Pháp phải dùng thành kính, những thứ thế gian Thánh hiền truyền lại, giống như văn hóa truyền thống Tứ Khố Toàn Thư, cùng đạo lý như vậy, một phần thành kính quý vị được một phần khế nhập. Chúng ta giảng về chân thật nghĩa. Quý vị mới hiểu được chân thật nghĩa của tác giả. Hai phần thành kính quý vị đạt được hai phần lợi ích. Mười phần thành kính quý vị được mười phần lợi ích. Cho nên pháp thế xuất thế gian phải từ trong tâm cung kính mà cầu, không có tâm cung kính cầu không được. Không phải là thầy giáo không chịu dạy, mà vì học trò không có tâm cung kính. Học trò thật có một chút tâm cung kính như vậy, thầy giáo sẽ không bỏ mặc quý vị. Vì sao vậy? Họ muốn đạo truyền xuống từng đời từng đời như vậy. Họ muốn tìm người truyền pháp. Người truyền pháp là gì? Người đầy đủ tâm cung kính. Người này có điều kiện truyền pháp, không có thành kính họ sẽ không có tư cách truyền pháp. Chính là đạo lý này vậy. Không phải là miễn cưỡng, miễn cưỡng thì không được.

Tôi một đời sanh trong thời loạn lạc, lúc còn trẻ khổ không thể kể hết, trải qua cuộc chiến tranh Trung Nhật tám năm, tám năm cuộc sống lưu vong, thời gian ở ngắn thì khoảng một tuần lễ, ở thời gian dài một chút thì khoảng ba tháng, lại đi. Tám năm ở Trung Quốc đi qua mười tỉnh, không có phương tiện giao thông, hoàn toàn nhờ vào đôi chân đi bộ. Tính ra ít nhất thì cũng đi hơn hai ba vạn dặm đường. Sống cuộc sống như vậy, không có nhà để về. Kết bạn với bạn học, đến cuối thời kỳ kháng chiến, quốc gia thu nạp những học sinh lưu vong này, kiến lập trường trung học quốc lập, cuộc sống mới khá an định hơn. Ăn ở mặc đi lại quốc gia cung cấp, cho nên vô cùng vô cùng đau khổ. Nhưng từ nhỏ cha mẹ đã dạy tôn sư trọng đạo, đối với việc học tập có

một chút tâm cung kính như vậy, một chút tâm cung kính này ở Đài Loan liền khởi được tác dụng. Tôi thân cận thầy Phương Đông Mỹ, đại sư Chương Gia, lão cư sĩ Lý Bình Nam, vâng theo những lời giáo huấn nghiêm túc của họ, nhờ điều gì? Chính là một chút tâm cung kính đó. Ngoài một chút thành ý này ra, tôi chẳng có gì cả. Trên vật chất tôi không có một đồng tiền nào để cúng dường thầy giáo, nhưng thầy giáo đặc biệt chăm sóc cho tôi. Nếu dùng cách nói thông thường, thì sở trường của tôi chẳng có gì cả, chỉ là trung thực, nghe lời, thật làm. Điều kiện đơn giản như vậy ngày nay cũng chẳng dễ dàng gì kiếm được, tìm được người có điều kiện như vậy, hạng người này sẽ có thể truyền pháp.

Cho nên đây là chúng ta nói, cũng có thể coi là một công năng đặc biệt. Mắt có thể nhìn thấy mà người thông thường chúng ta không nhìn thấy. Đây là họ có công năng đặc biệt, thiên nhãn. Tai nghe được âm thanh mà người thông thường chúng ta không nghe được, họ có thể nghe được. Đây cũng thuộc về công năng đặc biệt. Tất cả những hiện tượng dị thường đều phải dùng kinh Phật làm tiêu chuẩn để suy lường. Có thể lấy dùng, có thể học tập hay không nhất định phải căn cứ vào kinh giáo, vậy thì không sai được.

Cho nên đà la ni và minh, minh là Phật phóng quang, lời Phật nói trong quang, quý vị nhìn thấy, quý vị nghe thấy, ý nghĩa của minh này tương đồng. Người trì đà la ni có thể phát thần thông, trừ hoạn nạn, cùng với chú cấm pháp tương tự nên gọi là chú. Đây là nói về chú ngữ. Chú ngữ trong Mật tông rất nhiều, trong Đại thừa có. Giống như đại sư Liên Trì viết Di Đà Kinh Sớ Sao, đoạn cuối cùng trong sớ sao Ngài lồng thêm phụ chú vãng sanh vào. Đại sư nói với chúng tôi: kinh là Như Lai hiển thuyết, chú là Như Lai mật thuyết. Đại sư Chương Gia nói với tôi: trong chú ngữ có rất nhiều không phải là ngôn ngữ của nhân gian, là ngôn ngữ của lục đạo. Quỷ thần có thần thông, họ có thể nghe hiểu được ngôn ngữ của nhân gian, bản thân họ cũng có ngôn ngữ chúng ta nghe không hiểu. Phật nghe hiểu được, Phật biết được, cho nên sau khi kinh giảng xong rồi, Phật nói những chú ngữ đó, chính là dùng những ngôn ngữ của quỷ thần cho những quỷ thần này nghe, những ý nghĩa quan trọng trong kinh, nhắc lại cho họ nghe. Cho nên chúng ta không hiểu. Vậy hiểu được những ý nghĩa này chú là hiển thị mật thuyết. Hiển là hiển thuyết về chú, hiển mật không hai.

Đây là Phật từ bi, Phật giảng kinh, nhân gian chúng ta giảng kinh cũng không ngoại lệ, có quỷ thần đến nghe không? Chắc chắn có. Làm sao mà biết được? Có một số người cảm ứng rất nhạy bén, họ có thể phát giác được, có người có thể nhìn thấy được, có người có thể cảm giác được. Chúng ta từ trên lý mà nói, thì nói thông được. Tuy trong vũ trụ này có rất nhiều tầng không gian khác nhau, tầng là có, tầng cũng thông, không phải là không thông. Đều là quán thông. Cho nên người hữu duyên họ có thể đột phá được. Người hữu duyên chính là người đầy đủ điều kiện. Không đầy đủ điều kiện họ liền bị nó làm chướng ngại. Người đầy đủ điều kiện chướng ngại sẽ

không còn nữa. Trong điều kiện này quan trọng nhất là tâm thanh tịnh, là tâm chân thành. Tâm thanh tịnh có thể đột phá được tầng không gian. Tâm chí thành cũng có thể đột phá được.

Một người niệm Phật nhất tâm niệm Phật. Niệm được vài năm tâm thanh tịnh rồi, vọng niệm không còn nữa. Gọi là “phiền não khinh, trí tuệ trưởng”. Năng lực của họ đã hiện tiền rồi. Họ cũng có thể nhìn thấy, cũng có thể nghe thấy, cũng có thể tiếp xúc được. Người như vậy chúng tôi gặp qua rồi, là thật không phải là giả đâu. Thường thường họ cũng truyền một số tin tức cho tôi thấy. Vậy nên người niệm chú, người tu pháp môn này có thể phát thần thông, phát thần thông dễ dàng hơn người tu theo hiền giáo. Vì sao vậy? Ý nghĩa Mật chú họ không biết, họ dễ dàng nhiếp tâm. Chúng ta tụng kinh sẽ nghĩ đến ý nghĩa ở trong kinh, ngời vọng tưởng, cho nên tâm không thể chuyên chú. Mật thì dễ dàng chuyên chú, nó có điểm tốt như vậy, có thể nhiếp tâm.

Định và trí tuệ có thể trừ hoạn nạn. Chúng ta nói tiêu tai miễn nạn. Ở Trung Quốc đạo giáo dân gian rất hưng thịnh, trong đạo giáo có bùa chú, có vẽ bùa, niệm chú, có những bệnh nhẹ bùa chú có thể trị được, rất linh. Bí quyết của linh nghiệm đó trong Liễu Phàm tứ huân có nói đến. Như thế nào mới linh? Vẽ một lá bùa, nét bút này vẽ xuống đến khi vẽ hoàn thành lá bùa rồi, không có một vọng niệm nào, thì lá bùa này mới linh. Cùng một đạo lý như vậy. Chúng ta niệm chú này cũng như thế. Chú này niệm xong rồi, trong đó không có một vọng niệm nào, không có một vọng tưởng nào, thì chú này sẽ linh. Cho nên chú càng dài thì năng lượng càng lớn. Vì sao vậy? Định công của quý vị càng dài thời gian càng dài thì hiệu quả nó càng lớn. Chú ngắn nhất chính là A Di Đà Phật. A Di Đà Phật cũng là câu chú, không phiên dịch. Phật A Di Đà nói, nếu như sức mạnh của một câu nhỏ, sức mạnh của mười câu lớn, sức mạnh một ngàn tiếng thì càng lớn. Dùng pháp thập niệm. Hữu dụng! Trong đó xen tạp vọng tưởng thì không hữu dụng nữa. Quý vị đã làm cho nó bị phá hoại rồi. Cho nên nói nguyên lý là một. Thực sự hiểu được nguyên lý, vậy đọc kinh có hữu dụng hay không? Đương nhiên hữu dụng. Trong niệm kinh nếu như không có một vọng niệm, kinh này có thể trừ hoạn nạn. Đây chính là điều đức Thế Tôn đã nói “ché tâm nhất xứ vô sự bất biện”. Chúng ta dùng kinh, dùng chú, dùng bùa những thứ này làm công cụ, mục đích là gì? Mục đích là ché tâm nhất xứ. Thực sự có thể giải quyết vấn đề. Cho nên mật chú và nơi này, cũng như phương pháp vẽ bùa của đạo giáo Trung Quốc, niệm chú này tương tự nhau. Đây gọi là chú.

“Phàm phu nhị thừa không thể biết”, cho nên gọi là mật ngữ. Chú, phàm phu không biết được. Thanh văn, duyên giác, họ cũng không biết được. Ai biết được? Phật biết được, Pháp thân Bồ Tát biết được, quyền giáo Bồ Tát cũng chưa chắc thực sự biết được, Pháp thân Bồ Tát biết được. Vì thế gọi là mật chú.

Chân ngôn là lời của Như Lai, chân thật không hư dối, nên nói là chân ngôn. Những chú ngữ trong kinh Phật là Phật truyền lại. Phật Thích Ca Mâu Ni nói ra những lời chân thật không hư dối, cho nên gọi là chân ngôn. Mật Tông ở Nhật bản gọi là Chân ngôn tông, Trung Quốc gọi là Mật tông, Nhật bản gọi là Chân ngôn tông chính là Mật tông. Đây là ý nghĩa thứ ba của đà la ni. Ý nghĩa của chú.

Ý nghĩa thứ tư là nhẫn đà la ni. Thật tướng an trú nơi pháp nên gọi đó là nhẫn, trì nhẫn, gọi là nhẫn đà la ni. Nhẫn, hàm nghĩa trong chữ này có nghĩa là thừa nhận, là cho phép, là đồng ý. Phật trong giáo lý Đại thừa nói đến chân tướng của tất cả pháp, chúng ta nghe xong rồi, không hoài nghi, có thể thừa nhận, có thể khẳng định, đây gọi là nhẫn. Có thể trì nhẫn, trì là bảo trì, đây gọi là nhẫn đà la ni. Trong ý nghĩa này quan trọng nhất của điểm ủng hộ này, vẫn là trí tuệ. Không có trí tuệ quý vị không tin tưởng. Ví dụ như chú này rất khó để khiến cho người ta tin tưởng. Tác dụng của chú ngữ rất rộng, có thể giúp người đắc định, có thể giúp người trì giới, có thể giúp người khai trí tuệ. Hơn nữa có thể giúp người trị bệnh. Quý vị xem trong Đại Tạng Kinh rất nhiều chú ngữ trị bệnh, đáng tiếc là hiện tại như thế nào? Hiện tại không linh nữa. Phật thực sự là rất vĩ đại! Ngài đối với một mỗi kết cấu sinh lý trên con người Ngài rất rõ ràng, thực sự thấu rõ rồi. Con mắt của họ còn lợi hại hơn cả kính thấu thị. Thân thể quý vị có bệnh, xảy ra vấn đề, họ đều nhìn thấy. Dùng phương pháp gì để giải quyết vấn đề cho quý vị? Dùng chú ngữ. Chú ngữ là âm thanh. Nói cách khác, dùng âm thanh, để đem bộ phận có vấn đề của quý vị làm cho nó chấn động, làm cho nó mở ra. Giống như kinh mạch vậy, họ khơi thông cho quý vị khôi phục trở lại như bình thường, vậy là bệnh quý vị không phải đã lành rồi sao? Phương pháp của Trung quốc là dùng châm cứu, dùng mát xa, dùng bấm bóp, là cùng một đạo lý như vậy. Họ dùng âm thanh. Phương pháp cao minh nhất này, họ dạy quý vị niệm chú, quý vị sẽ niệm theo phương pháp của họ. Cho nên những chú ngữ này ghi chép lại, hiện tại không có ai biết niệm, âm phải chính xác, nếu âm không chính xác là sai rồi. Vì vậy hiện tại không ai có thể niệm nữa. Nhất định phải khẩu truyền, văn tự không có cách gì cả. Đặc biệt là văn tự, văn tự ngày xưa và hiện tại khác nhau, trong nó còn có phiên âm, gọi là nhị hợp, hai chữ phiên thành một âm, ba chữ phiên thành một âm. Quý vị xem trong chú ngữ thường thường có những tình hình như vậy, cho nên nhất định phải khẩu truyền.

Đức Thế Tôn năm xưa tại thế gặp người có bệnh, liền dạy họ niệm gì, họ niệm như vậy là lành bệnh, bệnh sẽ lành được. Điều này rất phù hợp với đạo lý khoa học, nó không phải là mê tín, thực sự có lý ở trong đó, không có gì là thần bí, hoàn toàn là dùng âm thanh để chấn động, điều chỉnh những chỗ có vấn đề trong thân quý vị. Mát xa còn phải dùng tay, nó không cần động tay đến, là phương pháp trị liệu cao minh nhất. Trong kinh Phật có rất nhiều thứ, hiện tại đều không dùng được nữa. Chúng ta biết, trong Phật Giáo có một số văn tự ghi chép, thời nhà Đường vẫn còn hữu dụng, còn có rất nhiều người dùng những phương pháp chú ngữ trong kinh Phật để trị bệnh. Đời nhà Đường trở về sau dần dần bị thất truyền. Âm niệm không giống nhau, đạt

không được hiệu quả này nữa, vì thể hiện tại những chú ngữ trị bệnh này chúng ta chỉ nhìn thấy, đây là một kỷ niệm. Biết được Đức Thế Tôn năm xưa tại thế ứng dụng những phương pháp này giúp đỡ rất nhiều những người bệnh khổ, thuộc về bố thí vô úy.

Đà la ni, chúng ta chỉ học đến ngang đây.

Dưới đây nói: thập phương nghe danh đại sĩ đều đắc Đà la ni như trên, an trú trong thật tướng chư pháp, nên nói hoạch Đà la ni nguyện. Đây là tổng kết thập phương thế giới, không phải là Bồ Tát ở Thế giới Cực Lạc. Thập phương thế giới bao gồm cả chúng ta ở trong đó. Ngày nay chúng ta nghe danh, nhất tâm cầu sanh Tịnh Độ, đây là cự ly cách Tịnh Độ rất gần rồi. Người còn chưa phát tâm muốn cầu sanh Thế giới Cực Lạc, nghe đến danh hiệu của Phật A Di Đà, họ đắc được đà la ni. Bốn loại Đà la ni này, bất cứ một loại nào đều gọi là đắc Đà la ni. Sau khi đắc được nhất định có thể an trú nơi thật tướng các pháp. Phải hiểu rõ chân tướng của nhân sanh vũ trụ.

Bốn loại Đà la ni, cùng với thật tướng các pháp có liên quan, nếu như chúng ta không hiểu rõ đối với thật tướng các pháp thì tổng trì không đạt đến được. “Tổng nhất thiết pháp, trì nhất thiết nghĩa”, đây chính là nói, làm cho toàn thể Phật Pháp, tất cả pháp mà Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết trong 49 năm, tổng cương lĩnh của nó đều nắm được hết. Tâm của quý vị sẽ không dao động nữa, quý vị chắc chắn rồi. Hiện tại chúng ta nói, tất cả pháp mà đức Thế Tôn thuyết trong 49 năm, pháp môn tổng trì thứ nhất là gì? Nói với quý vị rằng đó chính là Kinh Vô Lượng Thọ. Trong Kinh Vô Lượng Thọ tổng trì Đà la ni thứ nhất là gì? Chính là 48 nguyện. 48 nguyện, tổng trì Đà la ni là gì? Chính là một câu danh hiệu, nắm bắt được một câu danh hiệu này quý vị liền được pháp môn tổng trì, quý vị liền đạt được Đà la ni. Phật Di Đà phát nguyện này là hi vọng quý vị nắm bắt được toàn bộ cương lĩnh của Phật Pháp. Tổng kết lại chính là nhất tâm xưng niệm. Dùng kinh văn của bản kinh này chính là tám chữ “phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”. Tâm bồ đề là tâm gì? Là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Mười chữ này chính là tâm bồ đề. Chúng ta khởi tâm động niệm không rời mười chữ này, đều tương ứng hết với mười chữ này, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tịnh Độ, nhất định được sanh. Đây chính là quý vị đạt được Đà la ni rồi.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 250